

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGD-ST
Ngày 23 tháng 3 năm 2022
“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG ẢNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Lường Văn Thúc**

2. Ông: **Vương Đình Hoàng**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Ngân, Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Văn Tuấn – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2021/TLST-HN&GD ngày 17 tháng 11 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 07 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Quàng Thị T**; sinh năm: 1987.

Nơi ĐKNKTT: Bản N, xã Ả, huyện M, tỉnh Điện Biên

Nơi cư trú: Bản K, xã Ả, huyện M, tỉnh Điện Biên (*Có mặt*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Thương: Bà Lò Thị Khánh H – Trợ giúp viên pháp lý, nơi công tác Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. (*Có mặt*)

Bị đơn: Anh **Lò Văn P**; sinh năm: 1985.

Nơi cư trú: Bản N, xã Ả, huyện M, tỉnh Điện Biên. (*Vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn Xin ly hôn đề ngày 12/11/2021; tại bản tự khai của chị T ngày 02/12/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Quàng Thị T trình bày:

* **Về hôn nhân:** Tôi (T) và anh Lò Văn P tổ chức đám cưới và làm thủ tục đăng ký kết ngày 22/02/2005 tại UBND xã Ả, huyện T (nay là huyện M), tỉnh Điện Biên. Trước khi lấy nhau hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự tác động của bên ngoài. Sau khi cưới tôi và anh P về chung

sống tại bản N, xã A. Trong quá trình chung sống tôi và anh P chung sống hạnh phúc được 10 năm. Sau đó, giữa tôi và anh P phát sinh rất nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Do anh P nghiện chất ma túy, tôi và gia đình hai bên đã động viên, tạo điều kiện cho anh P cai nghiện nhiều lần nhưng không thành. Chính vì vậy nên giữa hai vợ chồng tôi thường xuyên xảy ra cãi cọ, kinh tế gia đình sa sút. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng tôi đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng anh P vẫn không thành. Bản thân tôi đã cho anh P cơ hội sửa chữa nhiều lần nhưng anh P vẫn không thay đổi. Từ năm 2015 đến nay tôi và anh P đã sống ly thân. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lò Văn P.

*** Về con chung:** Trong quá trình chung sống tôi và anh Phong có 01 người con chung: Cháu Lò Thị N, sinh ngày 02/4/2008. Hiện cháu N đang ở cùng với tôi tại bản K, xã A. Nguyên vọng của tôi là sau khi ly hôn tôi nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

*** Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung thu về:** Tôi và anh P không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lò Văn P; chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về không có như nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

*** Bị đơn:** Anh Lò Văn P mặc dù được Tòa án triệu tập nhiều lần và đúng quy định của pháp luật nhưng anh P vẫn vắng mặt.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án:** Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu Lò Thị N. Nguyên vọng cháu là muốn được ở với mẹ.

Trong quá trình thụ lý giải quyết chị Thương có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:** Yêu cầu của chị T là có căn cứ và hợp pháp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T cụ thể như sau:

Thứ nhất về hôn nhân: Chị T và anh P lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 22/02/2005 tại UBND xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên. Trong quá trình chung sống chị T và anh P phát sinh rất nhiều mâu thuẫn. Sau đó chị T phát hiện anh P nghiện chất ma túy nên anh P không chăm lo cho vợ con, không tu trí làm ăn, không phát triển kinh tế gia đình. Từ năm 2015 đến nay chị T và anh P đã sống ly thân. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bổn phận của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T và tuyên bố chị T được ly hôn anh P.

Thứ hai về con chung: Chị T và anh P có 01 người con chung là cháu Lò Thị N, sinh ngày 02/4/2008. Nguyên vọng của chị T sau khi ly hôn, chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Nguyên vọng của cháu N muốn được ở với mẹ. Đề nghị Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của chị T về việc giao nuôi con chung cũng như vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Thứ ba: Trong quá trình chung sống chị T và anh P không có tài sản chung; Nợ chung phải trả, nợ chung lấy về không có.

Về án phí: Chị T là người dân tộc thiểu số, thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí. Đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị Thương .

*** Quan điểm của đại diện VKSND huyện Mường Ảng:** Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu, tổng đạt các văn bản tố tụng.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa theo quy định tại các Điều 227, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử:

- **Về hôn nhân:** Tuyên bố chị Quàng Thị T được ly hôn anh Lò Văn P.
- **Con chung:** Giao cháu Lò Thị N, sinh ngày 02/4/2008 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung.
- **Tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về:** Đương sự không yêu cầu.
- **Án phí:** Miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích của đương sự, ý kiến của đại diện VKSND huyện Mường Ảng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ngày 17/11/2021, Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án tiến hành tổng đạt cho bị đơn là anh Lò Văn P, anh P có mặt ở nhà nhưng từ chối nhận văn bản, Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật. Hết thời hạn 15 ngày Bị đơn không có ý kiến gì.

Tòa án ra thông báo về Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đã tiến hành tổng đạt và niêm yết công khai theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không có mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Ngày 30/12/2021 chị Quàng Thị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được lần 2.

Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt và niêm yết Quyết định theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 07/3/2022, Nguyên đơn là chị Quàng Thị T có mặt, bị đơn là anh Lò Văn P vắng mặt không có lý do lần thứ nhất, căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử lại vào ngày 23/3/2022.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, Nguyên đơn là chị Quàng Thị T (có mặt); Bị đơn là anh Lò Văn P vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh P.

[2] Nội dung vụ án:

* **Về hôn nhân:** Theo đơn Xin ly hôn đề ngày 12/11/2021; bản tự khai ngày 02/12/2021 của nguyên đơn là chị Quàng Thị T; lời trình bày của chị T tại phiên tòa và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử thấy: Chị T và anh P lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 02/02/2005 tại UBND xã A, huyện T (nay là huyện M), tỉnh Điện Biên. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 10, sau đó chị T phát hiện anh P nghiện sử dụng chất ma túy, nên anh P không chăm lo cho vợ con, không tu trí làm ăn, không phát triển kinh tế gia đình, chị và gia đình hai bên nội ngoại đã khuyên bảo nhưng anh P không nghe, do đó anh chị luôn mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống vợ chồng. Từ năm 2015 chị T và anh P đã sống ly thân. Xét thấy, vợ chồng anh chị đã sống ly thân, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bổn phận của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 51 và khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Quàng Thị T. Tuyên xử cho chị Quàng Thị T được ly hôn với anh Lò Văn P.

* **Về con chung:** Chị Quàng Thị T và anh Lò Văn P có 01 người con chung: cháu Lò Thị N, sinh ngày 02/4/2008.

Chị T có nguyện vọng sau khi ly hôn, chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Lò Thị N đang sống cùng mẹ từ khi vợ chồng chị T, anh P sống ly thân, cháu N có nguyện vọng muốn ở với mẹ, mà nguyện vọng của cháu không bị ai ép buộc, xúi giục nên để không gây xáo trộn về tâm lý đồng thời đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần cũng như quyền lợi về mọi mặt của cháu N cần tiếp tục giao cháu cho chị T trực tiếp chăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu N đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của chị T về việc giao nuôi con chung cũng như vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

*** Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ thu về:** Dương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[3] Về án phí: Chị T là người dân tộc thiểu số, thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Thương .

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS 2015.

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Quàng Thị T: Chị Quàng Thị T được ly hôn anh Lò Văn P.

2. Về con chung: Giao Lò Thị N, sinh ngày 02/4/2008 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh P có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về: Dương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Quàng Thị T.

5. Án xử công khai sơ thẩm, kết thúc cùng ngày. Chị Quàng Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/3/2022). Anh Lò Văn P vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- UBND xã A, h.M
- Đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vân